



TỔNG QUAN VỀ VU HÍCH VÀ SHAMAN GIÁO

GS.TS. KIỀU THU HOẠCH

Lời Tòà soạn:

Để hiểu rõ về loại hình diễn xướng dân gian hát Văn, cần phải làm sáng tỏ một số vấn đề có liên quan đến tín ngưỡng Đồng Cốt, như là một tiền đề khoa học có tính tất yếu, quan trọng. Theo đó, Tạp chí Di sản văn hóa sẽ lần lượt đăng một số bài nghiên cứu của GS.TS. Kiều Thu Hoạch có liên quan đến tín ngưỡng Đồng Cốt/Vu Hích, Shaman giáo, là những loại hình tín ngưỡng cổ xưa của nhân loại có yếu tố lên đồng, liên quan tới tục thờ Mẫu của người Việt. Trong số này, Tạp chí Di sản văn hóa trân trọng giới thiệu bài "Tổng quan về Vu Hích và Shaman giáo".

1. Về Vu Hích

Vu Hích, qua tư liệu Trung Quốc, còn được gọi là Vu giáo, Vu thuật. Tiếng Anh thông dụng quốc tế dịch là Magic¹, tương đương thuật ngữ tiếng Pháp là Magie, thường được chuyển ngữ sang tiếng Việt là Ma thuật².

Cụm từ Vu Hích đã xuất hiện từ lâu trong các thư tịch cổ Trung Quốc, như sách *Quốc ngữ* từ thời Chu, sách *Công Dương truyện* từ thời Chiến Quốc, sách *Hán thư* từ thời Đông Hán... Nhưng trong các tài liệu nghiên cứu, cũng dùng chung để chỉ tín ngưỡng Vu Thuật, mà không tách bạch Vu chỉ bà cốt, Hích chỉ ông đồng.

Tín ngưỡng Vu thuật của Trung Quốc xuất hiện từ thời xã hội thị tộc mẫu hệ, là con đẻ của chế độ mẫu hệ. Thế nên, giới nghiên cứu Trung Quốc cho rằng, nói đến Vu thuật Trung Quốc cũng chủ yếu là nói về nữ Vu. Thực chất trong xã hội thị tộc mẫu hệ, nữ Vu chính là kẻ lãnh đạo xã hội, nên nữ Vu cũng là người có địa vị và quyền lực cao nhất trong cộng đồng. Đó cũng là một đặc điểm quan trọng của Vu thuật Trung Quốc.

Về mặt văn tự, chữ Vu (巫) tiểu triện tượng hình người con gái đang vung vẩy hai tay áo để múa mà mời gọi thần linh (*Thuyết văn giải tự* của Hứa Thận, đời Hán). Khi thần giáng sẽ nhập vào người nữ Vu, lúc ấy biểu hiện của nữ Vu tức là biểu hiện của thần. Hiện tượng ấy tục gọi là khiêu thần 跳神, tức là nhảy múa lên đồng. Sách *Liễu biên ký lược* (*Lược ghi*

bên rặng liễu) của Dương Tân đời Thanh ghi rằng: "Lên đồng nhảy múa do nữ Vu thực hiện. Khi nhảy, trên mũng/eo đeo một quả nhạc/lục lạc đồng, để lắc lư thành tiếng, còn tay thì gõ trống, miệng lẩm nhẩm lời cầu khẩn". Tập truyện *Liêu trai chí dị* của Bồ Tùng Linh đời Thanh cũng có một thiên truyện nhan đề Khiêu thần, nội dung miêu tả cảnh lên đồng của một bà đồng cốt. Trong đó có đoạn tả: "Cô đồng đã đứng tuổi, nhưng còn trẻ đẹp, uốn éo nhảy múa, tay vỗ trống mảnh vành sắt, gọi là nhảy múa lên đồng/khiêu thần, mà tục này ở kinh đô càng thịnh hành"³.

Ca dao người Việt cũng có câu "Bà cốt đánh trống long bong..." chính là mô tả hình ảnh cô đồng/bà cốt đang nhảy múa/khiêu thần.

Tóm lại, về mặt lịch sử, từ thời thượng cổ, Vu thuật Trung Quốc đã rất thịnh hành. Nữ Vu, ngoài lên đồng giao tiếp với thần linh, còn nhiều chức năng, như: chữa bệnh, chủ yếu bằng Vu thuật, bởi vậy, chữ y là y thuật có chữ Vu ở dưới 醫 với hàm nghĩa - cầu mưa - trừ tà - cầu phúc... Như vậy, Vu thuật hiểu như quan điểm theo cách dịch của các học giả Đài Loan là Magic (Ma thuật), đã dẫn ở phần trên, thì dường như chúng ta hoàn toàn có thể nhìn nhận Vu thuật Trung Quốc theo quan điểm của James George Frazer (1854 - 1941) - nhà nhân loại học, Folklore học và lịch sử tôn giáo người Anh và quan điểm của X. A. Tocarev (1899 - 1985) - nhà dân tộc học và tôn giáo học của Liên Xô (cũ).

Trong công trình *The Golden bough* (Trung Quốc có bản dịch 金枝/*Kim chi*, do Nxb. Văn nghệ dân gian công bố năm 1987, Việt Nam có bản dịch *Cành vàng*, do Nxb. Văn hóa Thông tin - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật in năm 2007), J. G. Frazer đã phân tích những yếu tố Ma thuật tương đương với Vu thuật Trung Quốc, trong đó đáng chú ý là Chương V: “Ma thuật chế ngự bầu khí quyển” tương tự “Đào vũ Vu thuật”, mà tài liệu nghiên cứu Vu thuật Trung Quốc cũng nhận xét rằng, chức trách trọng yếu của nữ Vu là đào vũ (cầu mưa). Hoặc như ở Chương IX, nghiên cứu về Ma thuật trong “Tục thờ cây cối”, thì cũng tương tự như “Sinh thực Vu thuật” nói về quan hệ giao cấu của nam nữ ngoài đồng ruộng, rừng cây, nhằm xúc tiến cây cối sinh trưởng... Đặc biệt thú vị là Frazer cũng đã tới Đông Dương và phân tích các yếu tố Ma thuật về thanh kiếm thần trong huyền tích vua Hỏa và vua Thủy của vùng Tây Nguyên - Việt Nam...

Còn Tocarev, trong công trình *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng* (Bản dịch của Nxb. Chính trị quốc gia, 1994), sau khi tìm hiểu Ma thuật như một yếu tố của tôn giáo, đã đưa ra nhận định: “Chưa chắc đã có một tôn giáo nào mà không có Ma thuật, chỉ trừ một vài trường hợp ngoại lệ” (tr. 41). Và, trong công trình, ông đã phân tích gần như tương đồng với những tài liệu Vu thuật của Trung Quốc. Chẳng hạn, nói về việc dùng Ma thuật để chữa bệnh gắn liền với y học dân tộc và có nguồn gốc từ y học dân tộc. Điều này hoàn toàn như Vu y trong Vu thuật cổ đại của Trung Quốc. Nói về Ma thuật làm hại (Magie Noire), theo Tocarev là bắt nguồn từ sự thù hằn giữa các bộ lạc. Tài liệu Trung Quốc ghi nhận, từ thời Tiên Tần đã thấy sử sách chép một loại Vu thuật làm hại mang tên Cổ thuật 蠱述, chữ Cổ gồm 3 chữ Trùng trên chữ Mãnh là đồ đựng, ý nghĩa là nhiều trùng độc để trong âu bằng sành, chúng ăn thịt lẫn nhau, con còn lại là con trùng độc nhất. Đây là tục của người Miêu/Dao nuôi cấy trùng độc để hại người. Theo *Báo cáo điều tra về tộc người Miêu ở Tương Tây/thuộc tỉnh Hồ Nam*, (Thương vụ ấn thư quán, 1947), Vu thuật này chỉ truyền cho con gái, cùng với lời thần chú và cách thức nuôi trùng, cách cất giấu... Khi cần hại người thì tìm cách thả trùng độc, khiến đối phương đau ốm, cuối cùng chết bất thường. Trùng độc cũng có thể làm hại trâu bò, cây cối. Các mục nuôi trùng gọi Cổ phụ, nếu theo định kỳ mà không hại được người thì chính mục ta sẽ bị

bệnh mặt bủng da vàng mà chết. Nếu người khác tìm được chỗ nuôi trùng của Cổ phụ, đem thiêu cháy đi thì mục ta chết luôn. Bản thân dân Miêu nếu phát hiện ra Cổ phụ thì cũng giết bỏ. Thời xưa, nhiều tộc người thiểu số cũng có tục này. Thư tịch cổ của Trung Quốc cũng thấy chép loại Vu thuật này bị lợi dụng để mê hoặc phụ nữ vào việc dâm dăng. Như sách *Tả truyện* có chép truyện Sở Trang Công sai người dùng trùng độc để mê hoặc Văn phu nhân. Hoặc sách *Thái Bình ngự lãm* cũng ghi truyện Tùy Dạng Đế sai người thả trùng độc vào nhà Dương Tố để mê hoặc người thiếp đẹp nổi tiếng của hắn... Vu thuật này hiện chỉ còn thấy lác đác ở những vùng tộc người thiểu số hẻo lánh, còn nói chung đã tuyệt tích ở Trung Quốc.

Nhưng điều kỳ thú là ở Việt Nam, loại Vu thuật trùng độc này cũng còn tàn dư ở người H'ré. Họ lấy râu mép hổ bỏ vào ống tre đang sống để nuôi cấy thành trùng độc; hoặc lấy máu gà trắng bỏ vào một loài hoa lạ trong rừng sâu để nuôi trùng độc. Người nuôi trùng mỗi năm phải đầu độc một người, nếu không chính họ sẽ bị tai họa hoặc trùng giết chết. Hiện tượng này từng gây nghi kỵ trong cộng đồng. Trường hợp Phạm Văn Nâu (sinh 1956) ở thôn Mang Lùng, xã Ba Tô, huyện Ba Tư bị nghi nuôi trùng độc, đã bị Trưởng thôn Phạm Văn Khuya cùng nhóm bảy người đến đánh chết (Theo Thế Hữu, bài “Tệ mê tín ở miền núi Quảng Ngãi cần sớm loại trừ” - *Báo Công an nhân dân*, số ra ngày 19/1/1999).

Trong công trình của mình, ông Tocarev từ góc nhìn tôn giáo học và dân tộc học, đã có nhiều chương phân tích các loại Ma thuật trong tương quan với Vu thuật Trung Quốc, trên cơ sở đó, ông đã có những phân tích khá tinh tế và sâu sắc. Chẳng hạn ở Chương 15, nói về tục thờ Thần Nông, ông đã có những nhận xét rất thú vị rằng, nhìn bề ngoài là lễ thờ dục tính (rite de sexuel) nhưng thực ra, đó lại là Ma thuật nông nghiệp (Magie agricole). Ông nêu một ví dụ: Khi trồng chuối, người nông dân cùng vợ đến mảnh đất định trồng. Lúc đó người vợ cởi hết quần áo, nằm ngửa xuống chỗ định đặt cây. Còn anh chồng cầm cây chuối con đi đi lại vào cơ quan sinh dục của vợ và hai bên ben. Cho rằng làm như vậy sức sinh sản của người đàn bà sẽ truyền tới chồi hoa cây chuối. Ông còn dẫn nhiều ví dụ tương tự ở nhiều tộc người trên thế giới... Về nghi lễ Ma thuật này cũng tương đương tài liệu Vu thuật Trung Quốc gọi là Sinh thực Vu thuật 生植巫述, tức là thông qua sự giao cấu nam



nữ để xúc tiến cây cối sinh trưởng. Tài liệu Trung Quốc về loại hình Vu thuật/Ma thuật này cũng vô cùng đa dạng và phong phú. Giới nghiên cứu Vu thuật Trung Quốc còn cho rằng, ngay cả nghi thức đảo vũ (cầu mưa) cũng bắt nguồn từ Sinh thực Vu thuật mà ra. Sinh thực (procréer) có nghĩa sinh đẻ, sinh sôi, cũng dùng như từ phần thực (fertilité), có nghĩa màu mỡ, phì nhiêu. Các sách cổ Trung Hoa có những ghi chép cho biết, Vu thuật cầu mưa chỉ là nối tiếp của Vu thuật sinh thực. Như sách *Xuân Thu phần lộ* ghi, khi cầu mưa, nghi thức triều đình quy định, các cặp vợ chồng phải ở với nhau một chỗ. Qua đó, có thể thấy, dù là cầu mưa hay nghi lễ sinh thực cho cây cối đều cần vai trò xúc tác của các cặp nam nữ. Trong văn tự giáp cốt⁴ đời Thương, đã ghi chép về nữ Vu cầu mưa, càng cho thấy vai trò của phụ nữ trong Vu thuật đảo vũ. Điều thú vị là trong sách *Việt điện u linh* thời Trần, khi chép việc cầu mưa thời Lý Anh Tông ở đền thờ Hai Bà Trưng, ta thấy hai chị em Bà Trưng dường như đã hiện ra như vai trò của nữ Vu trong lễ đảo vũ. Sách có đoạn ghi: Đêm nhà vua mộng thấy hai người con gái áo xanh quần đỏ, vua hỏi, hai người đáp rằng: Chúng tôi là hai chị em họ Trưng, phụng mệnh Thượng đế làm mưa. Vua tỉnh dậy, hạ lệnh sửa đền. Sau lại sai rước về thờ tại phía Bắc nội thành, gọi là đền Vũ sư 雨師 (Thần làm mưa) để thờ⁵.

2. Về Shaman giáo

Shaman giáo (Shamanisme) là một loại tôn giáo nguyên thủy, sùng bái đa thần (polythéisme), tin vào vạn vật hữu linh (animisme), còn gọi Vật linh giáo, tin vào linh hồn bất diệt.

Do lấy Vu sư "Shaman" (pháp sư) làm trung tâm để hoạt động tôn giáo như trị bệnh, giao tiếp với thần linh, nên gọi là Shaman giáo. Shaman là dịch âm từ tiếng Tungus (Đông Hồ), nguyên nghĩa là người hưng phấn múa may quay cuồng, lên đồng.



Một giá Hầu đồng tại phủ Tiên Hương (Nam Định) - Ảnh: Trần Lâm

Shaman hình thành trước khi xã hội có giai cấp, vào thời đại đá mới và đồng thau, lưu hành ở các tộc người sống bằng săn bắt, hái lượm, hiện lưu hành phổ biến ở các tộc người du mục. Chủ yếu ở khu vực Tây Sibérie, Đông Á, Đông Nam Á, châu Đại Dương, trong khu vực Bắc Mỹ, người Indians (Da Đỏ) và người Esquimo. Tại Trung Quốc, Shaman giáo hoạt động ở vùng Nội Mông, cùng các tộc người theo ngữ hệ Altai (Ngạc Luân Xuân, Ngạc Ôn Khắc, Hách Triết, Đạt Oát Nhĩ).

Shaman giáo có trang phục đặc thù, trang sức đặc biệt. Chủ yếu sùng bái linh hồn tổ tiên thị tộc hoặc bộ lạc, kèm sùng bái tự nhiên, sùng bái totem.

Các thầy pháp Shaman phải được xã hội thừa nhận là có "phẩm cách đặc thù", giao tiếp được với



Một giá Hầu đồng tại phủ Tiên Hương (Nam Định) - Ảnh: Trần Lâm

thế giới siêu tự nhiên.

Ban đầu, Shaman do nữ giới đảm trách. Khi sang xã hội phụ hệ thì cả nam và nữ đều có thể làm pháp sư, theo chế độ nối dõi Shaman thân thuộc, cha truyền con nối. Khi Shaman xuất thân (extasier) vào cõi mê thì linh hồn như bay khỏi xác và ở trạng thái xuất thần nhập hóa 出神入化 (extase/Anh văn Ecstasy). Giới nghiên cứu Shaman giáo còn gọi trạng thái ecstasy là hồn ma phụ thể hoặc linh hồn xuất du, trạng thái này gồm hai loại: 1/Hồn mê chiếm hữu (Possession ecstasy), tức thể xác Shaman bị hồn ma chiếm hữu. 2/Hồn mê phiêu lãng (Wandering ecstasy) tức linh hồn Shaman thoát ly thể xác đi vào thế giới hồn ma.

Muốn hiểu rõ Shaman giáo, theo các nhà khoa học Trung Quốc, cần phải so sánh Shaman giáo với Vu giáo, bởi trong các hoạt động của Shaman giáo, vẫn thấy được dấu ấn của các kỹ năng Vu thuật. Chẳng hạn nghi thức lên đồng của Shaman trong tộc người Mãn, gồm mời thần, thần phụ thể, ồp đồng, thuật lại lời thần..., thì trong trình tự của nó cũng xen tạp một số hoạt động có tính Vu thuật. Hoặc như ở tộc Tích Bá, trong hoạt động kỹ thuật truyền thống của Shaman như leo thang dao, chân trần giẫm lên than lửa, dùng lưới liếm vào lưới dao hoặc sắt nung đỏ,... cho đến múa dao, phun máu dùng trong nghi thức đuổi tà trừ tai, đều có quan hệ sâu xa với Vu thuật.

Về mặt tư liệu lịch sử, thế kỷ XVIII, thuật ngữ Shaman giáo (Shamanisme) mới vào tiếng Nga, sau đó, mới vào các tiếng châu Âu. Nhà nghiên cứu tôn giáo Toocarev cũng xác nhận điều này (Sđd, tr. 326). Trong khi đó, tư liệu Trung Quốc đã ghi chép về Shaman giáo từ thế kỷ XII. Với sách *Tam triều Bắc minh hội biên* 三朝北盟會編 của Từ Mộng Tân soạn đời Tống, ghi chép về lịch sử chiến hòa giữa Tống và Kim, đã chính thức ghi từ Shaman, theo tiếng Nữ Chân, cho biết

Shaman có nghĩa Vu 巫 媼 tức là mụ phù thủy, bà đồng cốt. Đến thời Minh - Thanh, rất nhiều sách ghi chép về Shaman giáo. Sau đó, càng nhiều tài liệu viết về Shaman giáo ở Trung Quốc. Đến sách *Đại Thanh hội điển sử lệ* thì từ Shaman giáo mới định hình về ngữ âm. Bởi nguyên gốc từ Shaman bắt nguồn từ tiếng Tungus, thuộc ngữ hệ Altaï; rất thông dụng trong ngữ tộc Mãn - Tungus. Còn ngữ tộc Đột Quyết (Turque), ngữ tộc Mông Cổ đều có những từ riêng để chỉ pháp sư Shaman.

Giới khoa học phương Tây và quốc tế rất quan tâm nghiên cứu Shaman giáo. Năm 1988 bắt đầu thành lập Hội Nghiên cứu Shaman giáo quốc tế (The International Society for Shamanic Research) tại Zagreb (một thành phố cổ của Nam Tư). Hội nghị

quốc tế lần thứ nhất được tổ chức tại Seoul, Hàn Quốc từ 22 - 28/7/1991, có trên 150 học giả của 26 nước tham dự.

Trong phần viết về Shaman giáo (Chương 10, Sđd), ông Tocarev đứng ở góc nhìn dân tộc học - tôn giáo, tỏ ra không đồng tình với các học giả phương Tây về trình độ lý luận: "Nói chung tài liệu nước ngoài mới nhất về Shaman có trình độ lý luận rất thấp" (Sđd, tr. 329). Đặc biệt, ông không tán thành quan điểm của Mircea Éliade - nhà lịch sử tôn giáo người Pháp gốc Roumanie, cho rằng, cơ sở của Shaman giáo là "kỹ thuật xuất thần nhập hóa" (Extase/Ecstasy). Theo ông, điều này chỉ đúng một phần, nhưng đa số các nhà nghiên cứu đã coi đặc điểm nổi bật này là đặc trưng của Shaman giáo ở các dân tộc trên khắp thế giới, mà không nêu lên được đặc trưng lịch sử của từng dân tộc.

Theo quan điểm của mình, nhà tôn giáo học Xô Viết, X. A. Tocarev đã đưa ra nhận định về Shaman giáo như sau:

"Theo cách dùng từ cũ, tôi gọi Shaman giáo là hình thức tôn giáo đặc biệt, bao gồm việc phân công trong xã hội những người nhất định, thầy pháp Shaman - những người được xem là có khả năng dùng phù phép đưa mình vào trạng thái hôn mê, trực tiếp giao tiếp cùng các thần.

Trình tự công việc của thầy pháp Shaman hay thường gọi là lên đồng - bao gồm nhảy múa điên cuồng, ca hát, đánh trống, gõ chiêng, thanh la, chũm chọe,... Lên đồng được xem là một cách giao tiếp cùng thần linh, gồm hai cách, hoặc thần linh nhập vào người thầy pháp (hay vào trống của thầy), hoặc ngược lại, hồn thầy pháp chu du lên xứ sở thần linh. Thực sự lên đồng là dùng cách thôi miên người xung quanh và nhờ đó, thầy pháp không những chỉ bắt người chầu và lễ tin vào khả năng siêu nhiên, thần kỳ, mà bản thân thầy pháp thường cũng tin vào khả năng ấy, cho nên khi lên đồng, thầy ở trạng thái ảo giác. Theo ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu, lên đồng của thầy Shaman giáo rất giống cơn bệnh thần kinh Hystérie (cười cười khóc khóc); thầy pháp Shaman thường là những người "ngờ ngẩn" hay mắc chứng bệnh này. Mục đích việc lễ bái Shaman giáo nhằm chữa bệnh cho người hoặc súc vật cũng như trừ các hiểm họa và bói toán thành đạt trong nghề nghiệp,..." (Sđd, tr. 330).

Sau đó, Tocarev phân tích Shaman giáo qua các giai đoạn phát triển lịch sử: Shaman giáo phi thai

thời bộ lạc - Shaman giáo ở thời đại dã man - Shaman giáo ở các tộc người Sibérie.

Ở thời chế độ bộ lạc, như Shaman giáo ở một vài bộ lạc Australia, ngoài thầy phù thủy chữa bệnh (medicine-man), còn có một hạng người chuyên giao tiếp với thần linh, đó là thầy pháp Shaman giáo. Thầy phù thủy chữa bệnh bằng Ma thuật và thuốc dân gian. Còn thầy Shaman thì chữa bệnh bằng lên đồng nhảy múa điên cuồng theo trống phách, khi ở trạng thái say say biết thần đã nhập thì bắt tay chữa bệnh - Ở phần Chữa bệnh bằng Ma thuật (tr. 133), tác giả cho biết, ở một số bộ lạc châu Mỹ, chữa bệnh bằng Ma thuật của phù thủy chữa bệnh tách biệt hẳn với Shaman giáo và có sự đối kháng nhất định. Người ta cấm phù thủy chữa bệnh tự ý đến những đám lễ lên đồng Shaman và những phù thủy có mặt ở đó không được mang theo "bùa hộ mệnh". "Phù thủy ghét Shaman và Shaman cũng ghét phù thủy" (tr. 134).

Ở thời đại dã man, theo tác giả Tocarev cho biết, Shaman giáo là một hiện tượng hết sức phổ biến. Thầy pháp Shaman phổ biến ở Mélanési, ở nhiều tộc người lạc hậu Indonésia, ở Nam Mỹ, Bắc Mỹ, Phi Châu. Tác giả lấy ví dụ, như ở miền Bắc Bornéo, có người làm nghề chữa bệnh, thường gọi là Đaiong và thường là phụ nữ. Khi cúng lễ Đaiong hay dùng các mặt nạ hình thù quái gở, hát lên đồng để mời thần về chữa bệnh. Còn ở một bộ lạc vùng Bắc Mỹ, thầy pháp Shaman khoác áo da gấu vàng, tay cầm gậy, trống cơm, nhảy múa man rợ, với ý định dùng nhảy múa để cứu thổ dân bị tử thương...

Về Shaman ở các tộc người Sibérie, ông Tocarev cho rằng, mặc dầu Shaman giáo có ở nhiều nơi, tuy nhiên, không nên phủ nhận là tôn giáo này phát triển nhất và rất thịnh hành ở một miền xác định - đó là miền Bắc Á. Ở các tộc người Sibérie, miền Bắc, nơi các tộc người có trình độ phát triển tương đối khác nhau, Shaman giáo không chỉ phát triển tràn lan, mà trong nhiều trường hợp, còn thu hút nhiều tín ngưỡng và nghi lễ mà về nguồn gốc không có liên quan gì tới nó, như thờ cúng tổ tiên, thờ cúng thần săn bắt, chữa bệnh cho người ốm và lên đồng để bói toán cát hung cho mọi người.

Giải thích về nguồn gốc ra đời của các thầy Shaman, các nhà nghiên cứu đều nhất trí rằng, thầy pháp Shaman trước hết đó là người mắc chứng bệnh cuồng trí (hystérie), luôn luôn có thể lên cơn, một vài trường hợp là người động kinh. Ông Tocarev cho rằng, việc giải thích bệnh thần kinh là cơ



sở của Shaman giáo liệu có phải là chệch quan điểm lịch sử, quan điểm Mác-xít không? Theo ông, sẽ rơi vào chủ nghĩa sinh vật học, nếu bỏ qua những điều kiện lịch sử phổ quát (universel), đó là sự bắt đầu tan rã của công xã thị tộc nguyên thủy. Đồng thời, cũng phải xét đến một điều kiện có tính quy luật vào một giai đoạn phát triển xã hội nhất định của Shaman giáo. Đó là Shaman giáo sinh ra và trước hết là để thỏa mãn nhu cầu chữa bệnh, sau là phục vụ cho nhu cầu săn bắt và các yêu cầu kinh tế khác. Chính ở đây, sự bất lực của con người trước các hiện tượng tự nhiên, dẫn đến việc quy cho một số người trong xã hội nguyên thủy có khả năng siêu nhiên - đó là thầy pháp Shaman.

Nói về các giai đoạn tiến hóa của Shaman giáo, ông Tocarev cho rằng, sau giai đoạn Shaman giáo thị tộc, khi quá độ sang thời kỳ xã hội có giai cấp, thì Shaman giáo bị các tôn giáo có tính giai cấp lấn át, chỉ còn lại tàn dư. Nhưng ông Tocarev cũng nhận xét rằng: "Điều lý thú là ngay ở các tôn giáo phát triển nhất, hoàn toàn có tính giai cấp thì các tàn dư và yếu tố Shaman giáo vẫn cứ được giữ lại".

Cuối cùng, ở phần kết luận, ông vẫn cho rằng: Cái khó nhất trong vấn đề nghiên cứu Shaman giáo là dễ rơi vào chủ nghĩa sinh vật học, quy các hiện tượng Shaman chủ yếu là do bệnh tâm lý - thần kinh, mà bỏ qua mặt lịch sử, nguyên nhân xã hội để quyết định vấn đề một cách đúng đắn (Sđd, tr. 349).

Theo đánh giá của chúng tôi, phần viết về Shaman giáo của X. A. Tocarev từ góc nhìn dân tộc học - tôn giáo đã đưa tới cho người đọc những nhận thức khoa học mới mẻ, nghiêm túc. Hầu như ông là người đầu tiên xác định rõ Shaman giáo là một hình thức đứng đầu trong năm hình thức tôn giáo đặc trưng của thời kỳ chế độ bộ lạc của nhân loại. Trên cơ sở đó, ông đã có cái nhìn quán xuyến về mặt lịch sử xã hội đối với Shaman giáo qua các giai đoạn phôi thai, phát triển và suy tàn một cách biện chứng, đồng thời, tỏ ra có ý thức về cái bẫy của chủ nghĩa sinh vật học. Ông có những nhận xét khá sâu sắc về tôn giáo học đối với những vấn đề của Shaman giáo. Tuy nhiên, người đọc lại cảm thấy ông có phần quá chặt chẽ đối với quan điểm của giới tôn giáo học phương Tây. Chẳng hạn, khi phê phán quan điểm của Mircea Éliade về Extase/Ecstasy, chính ông cũng vẫn dùng cụm từ "trạng thái hôn mê" để nói về pháp sư Shaman khi lên đồng. Bản thân ông cũng tỏ ra không hài lòng về quan điểm của mình: "Ý định nghiên cứu và giải quyết trong

Chương này chỉ là sơ bộ... Vấn đề còn cần nghiên cứu tiếp một cách nghiêm túc" (tr. 349).

Điều băn khoăn và cũng là điều đáng tiếc trong chương viết về Shaman giáo của ông, theo chúng tôi, đó là ông chưa tiếp cận được với những tư liệu nghiên cứu về Shaman của Trung Quốc. Như chính ông cũng đã thừa nhận, thế kỷ XVIII, thuật ngữ Shaman mới vào Nga và sau đó mới tới các nước châu Âu. Trong khi tộc người Mãn - Tungus thuộc ngữ hệ Altai nơi đã khai sinh ra Shaman giáo chính là trên đất Trung Hoa. Và, cuốn sách viết về Shaman sớm nhất Trung Quốc là cuốn *Tam triều Bắc minh hội biên* của Từ Mộng Tân thời Nam Tống, thế kỷ XII, như đã nói ở phần trên...*/.

K.T.H

Chú thích:

* Nguồn tham chiếu chủ yếu về Vu Hích và Shaman: Vương Quý Nguyên, *Nữ Vu dữ Vu thuật*, Hà Bắc Nhân dân Xuất bản xã, 1991; Thu Phổ (chủ biên), *Shaman giáo nghiên cứu*, Thượng Hải Nhân dân Xuất bản xã, 1985; X.A.Tôcarev, *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, bản dịch của Lê Thế Thép, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994; James George Frazer, *Cành Vàng*, bản dịch của Ngô Bình Lâm, Nxb. Văn hóa Thông tin - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 2007; Bronislan Kaspar Malinowski, *Vu thuật, khoa học, tôn giáo dữ thần thoại*, Trung Quốc Dân gian Văn nghệ Xuất bản xã, 1986.

1- Đây là cách dịch của bản tin nghiên cứu Trung Quốc Na hý Na văn hóa, Kỳ số 2, xuất bản tháng 6 năm 1993, do nhóm học giả Đài Loan biên soạn, tr. 30.

2- Có thể đọc các bản dịch: X.A. Tôcarev, *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, 1994, và J. G. Frazer, *Cành vàng*, 2007.

3- Ở Việt Nam, tác giả Trọng Lang (Trần Tấn Cửu) cũng có phóng sự điều tra về tục lên đồng của người Việt, đó là tác phẩm "Đồng bóng", đăng nhiều kỳ trên *báo Phong Hóa*, từ số 163 - 1935 đến số 173 - 1936. Nội dung miêu tả khá kỹ về các nghi lễ lên đồng, về các bà Chúa, về tam tứ phủ, về chư vị... khiến độc giả như được chứng kiến tận mắt. - Đáng tiếc, ông Nguyễn Đăng Thục đã lầm ghi tác phẩm "Đồng bóng" là của Nhất Lang (là tên khác của Nguyễn Tuân), khiến cuốn *Hát văn* (Nxb. Văn hóa dân tộc, 1992) và *Đạo Mẫu Việt Nam* (Nxb. Thế giới, 2012) đều lầm theo (Xem Nguyễn Đăng Thục: *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 1: in lần 2, tr. 325, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1991).

4- Chỉ những ký hiệu ghi trên mai rùa, xương thú của người đời Thương về bói toán cát hung.

5- Chú ý trang phục áo xanh quần đỏ khiến ta nghĩ đến trang phục diêm đũa của các cô đồng bà cốt.

(Ngày nhận bài: 05/12/2015; Ngày phản biện đánh giá: 22/12/2015; Ngày duyệt đăng bài: 05/01/2016).